

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo Giấy rút dự toán số 156+157 /GR ngày 02 tháng 11 năm 2021)

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 2**
2. Mã đơn vị: **1011464**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **002 395 950 003** Ngân Hàng Đông Á - Chi nhánh Tân Bình
- I. Nội dung đề nghị thanh toán:**

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Tiền học bổng		Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác				Tiền khoán				
									Tiền Hỗ trợ MN (NQ01)	Tiền NQ 04	Tiền PCUD						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)				(10)	(11)	(12)		
I	Tổng số			227.448.746	103.261.534	5.974.304	-	-	28.059.233	53.300.000	-	36.853.675	-	-			
1	Châu Hiệp Phố	0102575842	NH Đông Á	15.548.582	10.338.038				26.323.830	2.170.930		3.039.615					
2	Lâm Đặng Phương Thảo	0102588430	NH Đông Á	12.671.332	8.201.332				1.862.500	1.862.500		2.607.500					
3	Phạm Thị Mai Trang	0107733105	NH Đông Á	12.804.687	8.334.687				1.862.500	1.862.500		2.607.500					
4	Võ Thị Ánh Đào	0102575802	NH Đông Á	14.634.338	7.627.238				1.732.125	2.850.000		2.424.975					
5	Khổng Thị Thùy Linh	0101027430	NH Đông Á	14.244.609	7.353.729				1.683.700	2.850.000		2.357.180					
6	Nguyễn Thị Vân Trang	0102575828	NH Đông Á	14.184.331	7.293.451				1.683.700	2.850.000		2.357.180					
7	Nguyễn Thị Phương	0102575885	NH Đông Á	11.783.759	5.661.719				1.363.350	2.850.000		1.908.690					
8	Vũ Thị Xuân Thanh	0103111273	NH Đông Á	9.199.117	3.917.437				1.013.200	2.850.000		1.418.480					
9	Phạm Thị Thanh Vân	0104813398	NH Đông Á	8.029.089	3.374.549				897.725	2.500.000		1.256.815					
10	Trang Thị Kim Kiều	0109908946	NH Đông Á	8.218.395	3.213.855				897.725	2.850.000		1.256.815					
11	Hoàng Thu Huyền	0104177714	NH Đông Á	9.936.388	4.727.568				1.128.675	2.500.000		1.580.145					
12	Nguyễn Thị Thu Hồng	0108701315	NH Đông Á	8.329.773	3.280.533				916.350	2.850.000		1.282.890					
13	Hoàng Thị Sơn	0109880937	NH Đông Á	7.884.263	3.013.823				841.850	2.850.000		1.178.590					
14	Trần Thị Thanh Thủy	0110200292	NH Đông Á	8.329.773	3.280.533				916.350	2.850.000		1.282.890					
15	Trần Thị Mai Thảo	0110397770	NH Đông Á	2.749.240	-				916.350	550.000		1.282.890					
16	Nguyễn Thị Thanh Hà	0110478654	NH Đông Á	7.438.753	2.747.113				767.350	2.850.000		1.074.290					
17	Nguyễn Thị Diệp	0110650056	NH Đông Á	7.438.753	2.747.113				767.350	2.850.000		1.074.290					
18	Vòng A Ngọc Linh	0110601304	NH Đông Á	7.438.753	2.747.113				767.350	2.850.000		1.074.290					
19	Đặng Thị Thu Thảo	010482402	NH Đông Á	7.088.753	2.747.113				767.350	2.500.000		1.074.290					
20	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	0110893503	NH Đông Á	7.438.753	2.747.113				767.350	2.850.000		1.074.290					
21	Nguyễn Thị Bích Liễu	0110931259	NH Đông Á	8.526.605	3.477.365				916.350	2.850.000		1.282.890					
22	Nguyễn Ngọc Bảo Khuê	0111080052	NH Đông Á	7.438.753	2.747.113				767.350	2.850.000		1.074.290					
23	Phạm Thị Minh Thảo	0105285315	NH Đông Á	8.143.801	3.444.561				916.350	2.500.000		1.282.890					
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/ND-CP			7.948.146	238.439	5.974.304			1.735.403		-			-			
1	Trương Thọ Long	0107629015	NH Đông Á	2.559.075		2.000.325			558.750								
2	Phạm Vũ Kim Hồng Yến	0109205262	NH Đông Á	5.389.071	238.439	3.973.979			1.176.653								
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			-							-						

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Tiền lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Trong đó:			Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng						Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản	Tiền PCUD		
									Tiền Hỗ trợ MN (NQ01)	Tiền NQ 04			

Tổng số tiền bằng chữ :Hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi sáu đồng /.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

-Thay đổi Tăng 37.050.000 đ so với Tháng 10-2021 là do truy lãnh T9,10 theo nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hoàng

Kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)



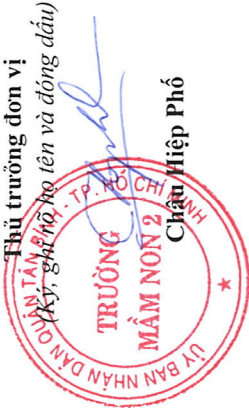
Nguyễn Thị Hoàng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Ngày 02 tháng 11 năm 2021

Chủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng